

Số: 904/2019/BC-SHS

Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2019

**BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN
GIAO DỊCH KÝ QUỸ**

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội xin báo cáo Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh Danh mục chứng khoán HSX thực hiện giao dịch ký quỹ tại SHS tháng 09/2019 như sau:

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
1	AAA	CEE		AAA
2	ABT	TMT		ABT
3	ACC	VIP		ACC
4	ADS	DIC		ADS
5	AMD	TRA		AMD
6	ANV			ANV
7	APC			APC
8	APG			APG
9	ASM			ASM
10	ASP			ASP
11	AST			AST
12	BBC			BBC
13	BCE			BCE
14	BFC			BFC
15	BIC			BIC
16	BID			BID
17	BMC			BMC
18	BMI			BMI
19	BMP			BMP
20	BRC			BRC
21	BSI			BSI
22	BTP			BTP
23	BTT			BTT
24	BVH			BVH
25	BWE			BWE
26	C32			C32
27	C47			C47
28	CAV			CAV

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
29	CDC			CDC
30	CEE			CHP
31	CHP			CII
32	CII			CLC
33	CLC			CLL
34	CLL			CMG
35	CMG			CNG
36	CNG			COM
37	COM			CRC
38	CRC			CSM
39	CSM			CSV
40	CSV			CTD
41	CTD			CTG
42	CTG			CTI
43	CTI			CTS
44	CTS			CVT
45	CVT			D2D
46	D2D			DAH
47	DAH			DBC
48	DBC			DBD
49	DBD			DCM
50	DCM			DGW
51	DGW			DHA
52	DHA			DHC
53	DHC			DHG
54	DHG			DHM
55	DHM			DIG
56	DIC			DLG
57	DIG			DMC
58	DLG			DPG
59	DMC			DPM
60	DPG			DPR
61	DPM			DRC
62	DPR			DRH
63	DRC			DRL
64	DRH			DSN
65	DRL			DTA
66	DSN			DVP
67	DTA			DXG
68	DVP			EIB
69	DXG			ELC
70	EIB			EVE
71	ELC			EVG

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
72	EVE			FCM
73	EVG			FCN
74	FCM			FIT
75	FCN			FLC
76	FIT			FMC
77	FLC			FPT
78	FMC			FRT
79	FPT			FTS
80	FRT			GAS
81	FTS			GDT
82	GAS			GEX
83	GDT			GMC
84	GEX			GMD
85	GMC			GSP
86	GMD			GTN
87	GSP			HAH
88	GTN			HAP
89	HAH			HAR
90	HAP			HAX
91	HAR			HBC
92	HAX			HCD
93	HBC			HCM
94	HCD			HDB
95	HCM			HDC
96	HDB			HDG
97	HDC			HHS
98	HDG			HII
99	HHS			HPG
100	HII			HPX
101	HPG			HQC
102	HPX			HSG
103	HQC			HSL
104	HSG			HT1
105	HSL			HTI
106	HT1			HTL
107	HTI			HTV
108	HTL			HU3
109	HTV			HVH
110	HU3			IBC
111	HVH			IDI
112	IBC			IJC
113	IDI			IMP
114	IJC			ITA

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
115	IMP			ITC
116	ITA			ITD
117	ITC			KBC
118	ITD			KDC
119	KBC			KDH
120	KDC			KMR
121	KDH			KSB
122	KMR			L10
123	KSB			LBM
124	L10			LCG
125	LBM			LDG
126	LCG			LGC
127	LDG			LGL
128	LGC			LHG
129	LGL			LIX
130	LHG			LM8
131	LIX			LMH
132	LM8			MBB
133	LMH			MDG
134	MBB			MHC
135	MDG			MSH
136	MHC			MSN
137	MSH			MWG
138	MSN			NAF
139	MWG			NBB
140	NAF			NCT
141	NBB			NKG
142	NCT			NLG
143	NKG			NNC
144	NLG			NSC
145	NNC			NT2
146	NSC			NTL
147	NT2			NVL
148	NTL			OPC
149	NVL			PAC
150	OPC			PAN
151	PAC			PC1
152	PAN			PDN
153	PC1			PDR
154	PDN			PET
155	PDR			PGC
156	PET			PGD
157	PGC			PGI

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch kỳ quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch kỳ quỹ cuối tháng
158	PGD			PHC
159	PGI			PHR
160	PHC			PJT
161	PHR			PLP
162	PJT			PLX
163	PLP			PME
164	PLX			PNJ
165	PME			POW
166	PNJ			PPC
167	POW			PTB
168	PPC			PVD
169	PTB			PVT
170	PVD			RAL
171	PVT			RDP
172	RAL			REE
173	RDP			ROS
174	REE			S4A
175	ROS			SAB
176	S4A			SAM
177	SAB			SBA
178	SAM			SBT
179	SBA			SC5
180	SBT			SCD
181	SC5			SCR
182	SCD			SCS
183	SCR			SFC
184	SCS			SFG
185	SFC			SFI
186	SFG			SHA
187	SFI			SHI
188	SHA			SHP
189	SHI			SII
190	SHP			SJD
191	SII			SJF
192	SJD			SJS
193	SJF			SKG
194	SJS			SMB
195	SKG			SMC
196	SMB			SPM
197	SMC			SRC
198	SPM			SRF
199	SRC			SSC
200	SRF			SSI

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
201	SSC			ST8
202	SSI			STB
203	ST8			STG
204	STB			STK
205	STG			SVC
206	STK			SVI
207	SVC			SZL
208	SVI			TAC
209	SZL			TBC
210	TAC			TCB
211	TBC			TCD
212	TCB			TCH
213	TCD			TCL
214	TCH			TCM
215	TCL			TCO
216	TCM			TCT
217	TCO			TDC
218	TCT			TDG
219	TDC			TDH
220	TDG			TDM
221	TDH			TDW
222	TDM			TEG
223	TDW			THG
224	TEG			THI
225	THG			TIP
226	THI			TLD
227	TIP			TLH
228	TLD			TMP
229	TLH			TMS
230	TMP			TNA
231	TMS			TNC
232	TMT			TNI
233	TNA			TPB
234	TNC			TPC
235	TNI			TRC
236	TPB			TTB
237	TPC			TV2
238	TRA			TVS
239	TRC			TVT
240	TTB			TYA
241	TV2			UIC
242	TVS			VAF
243	TVT			VCB

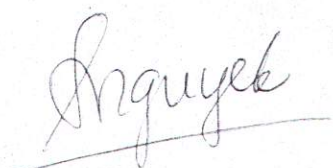
STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
244	TYA			VCI
245	UIC			VDP
246	VAF			VDS
247	VCB			VFG
248	VCI			VGC
249	VDP			VHC
250	VDS			VHM
251	VFG			VIC
252	VGC			VJC
253	VHC			VMD
254	VHM			VND
255	VIC			VNE
256	VIP			VNM
257	VJC			VNS
258	VMD			VPB
259	VND			VPH
260	VNE			VPI
261	VNM			VPS
262	VNS			VRC
263	VPB			VRE
264	VPH			VSC
265	VPI			VSI
266	VPS			VTO
267	VRC			YBM
268	VRE			
269	VSC			
270	VSI			
271	VTO			
272	YBM			

Địa chỉ website đăng tải Danh mục chứng khoán HSX thực hiện giao dịch ký quỹ tại SHS tháng 09/2019 là <http://www.shs.com.vn>.

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này.

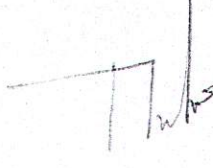
Kính báo cáo Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

Người lập



Đoàn Thị Ánh Nguyệt

Kiểm soát



Ngô Thế Hiện



Vũ Đức Tiên